TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2019/QĐST-HNGĐ	*Đông Triều, ngày 01tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 548/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018, giữa:

Chị Trần Thị Bảo N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn B, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn B, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bảo N và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Các đương sự cùng khẳng định có một con chung: Nguyễn Thị Nguyệt N, sinh ngày 11/10/2014, thỏa thuận, thống nhất chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Nguyễn Thị Nguyệt N, sinh ngày 11/10/2014 kể từ tháng 01/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi),

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị N cùng các thành viên trong gia đình không cản trở anh H trong việc

thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng khẳng định không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí:

Chị Trần Thị Bảo N tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003670, ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Trả lại chị Trần Thị Bảo N số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003670, ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều;
- Chi cục Thi hành án DS Đông Triều;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Hồng Phong (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Trần Quốc Nam